

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 59

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 32 cấp ngày 21 tháng 3 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Lê Phương Thảo
Bà Ngô Thị Vân Hạnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám Đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 16.1* của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12925844/67736242/R

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 59, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Lý Hồng Mỹ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4175-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		674.524.693.229	550.345.281.762
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	38.416.885.363	6.392.544.437
111	1. Tiền		38.337.088.258	2.192.544.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		79.797.105	4.200.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	230.000.000	230.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		634.528.068.391	522.012.565.290
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	105.247.391.505	112.326.811.147
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	222.600.021.803	2.549.093.165
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	189.028.460.018	270.238.767.925
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	141.057.384.838	159.015.726.054
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(23.405.189.773)	(22.117.833.001)
140	IV. Hàng tồn kho		501.439.034	18.471.428.571
141	1. Hàng tồn kho		501.439.034	18.471.428.571
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		848.300.441	3.238.743.464
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	848.300.441	3.238.743.464
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.767.988.537.046	1.393.011.400.848
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		336.730.634.800	227.793.196.854
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	24.000.000.000	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	9	9.615.000.000	21.412.263.754
216	3. Phải thu dài hạn khác	10	303.115.634.800	206.380.933.100
220	II. Tài sản cố định		138.753.744.671	78.555.370.522
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	276.194.779	181.819.198
222	Nguyên giá		903.492.862	695.101.954
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(627.298.083)	(513.282.756)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	138.477.549.892	78.373.551.324
228	Nguyên giá		171.206.041.734	85.512.962.231
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(32.728.491.842)	(7.139.410.907)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		10.523.422.222	5.000.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	10.523.422.222	5.000.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	1.259.233.352.576	1.080.639.622.715
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	1.294.283.212.233	1.342.337.412.233
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	2.000.000.000	231.761.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	17.715.625.000	17.715.625.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(54.765.484.657)	(511.174.664.518)
260	V. Tài sản dài hạn khác		22.747.382.777	1.023.210.757
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	21.047.511.423	1.023.210.757
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.699.871.354	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.442.513.230.275	1.943.356.682.610

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		735.828.750.314	259.891.332.597
310	I. Nợ ngắn hạn		705.564.960.707	165.525.413.280
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	136.090.440.676	67.795.676.253
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	7.431.868.273	24.616.965.143
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	7.449.487.609	1.537.872.433
314	4. Phải trả người lao động		3.894.502.261	1.529.147.261
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	16.159.534.249	5.287.267.886
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	181.810.405.402	41.747.660.304
320	7. Vay ngắn hạn	22	352.728.722.237	23.010.824.000
330	II. Nợ dài hạn		30.263.789.607	94.365.919.317
338	1. Vay dài hạn	22	30.263.789.607	94.365.919.317
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.706.684.479.961	1.683.465.350.013
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	1.706.684.479.961	1.683.465.350.013
411	1. Vốn cổ phần		1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140.518.254	140.518.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		336.529.421.707	369.792.191.759
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		313.310.291.758	317.666.606.594
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		23.219.129.949	52.125.585.165
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.442.513.230.275	1.943.356.682.610

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH


Ngô Thị Văn Hạnh
Tổng Giám đốc

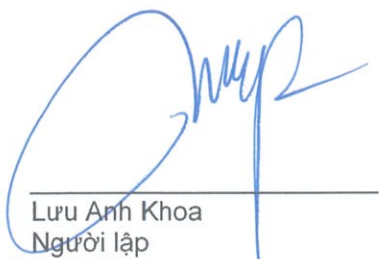
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	454.275.835.986	178.347.667.496
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(392.854.997.004)	(80.307.911.272)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.420.838.982	98.039.756.224
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	39.111.602.477	55.256.618.678
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(25.467.718.732) (22.527.924.238)	(78.819.454.500) (18.034.756.396)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(47.631.052.745)	(22.286.813.036)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.433.669.982	52.190.107.366
31	8. Thu nhập khác		3.793.687	2.468
32	9. Chi phí khác	28	(1.540.568.787)	(64.524.669)
40	10. Lỗ khác		(1.536.775.100)	(64.522.201)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.896.894.882	52.125.585.165
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(4.377.636.288)	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.4	1.699.871.354	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		23.219.129.948	52.125.585.165

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng


Ngô Thị Văn Hạnh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.896.894.882	52.125.585.165
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	25.703.096.262	6.541.571.427
03	Các khoản dự phòng		3.912.048.973	62.602.391.612
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(39.109.879.857)	(32.117.354.440)
06	Chi phí lãi vay	26	22.527.924.238	18.034.756.396
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.930.084.498	107.186.950.160
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		16.234.409.235	(178.057.556.151)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		17.969.989.537	(18.471.428.571)
11	Tăng các khoản phải trả		109.658.175.634	124.677.206.085
12	Tăng chi phí trả trước		(17.633.857.643)	(86.032.640)
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.241.086.970)	(14.328.003.654)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		148.917.714.291	20.921.135.229
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(497.044.892.633)	(82.988.580.077)
23	Tiền chi cho vay		(111.537.266.640)	(176.817.714.851)
24	Tiền thu hồi cho vay		204.544.838.301	177.123.329.210
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(234.262.550.000)	(523.231.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		215.144.000.000	13.983.200.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		40.646.729.080	25.596.077.901
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(382.509.141.892)	(566.334.937.817)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	450.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	22	496.290.673.679	415.218.725.134
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(230.674.905.152)	(330.777.391.217)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		265.615.768.527	534.441.333.917

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		32.024.340.926	(10.972.468.671)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.392.544.437	17.365.013.108
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	38.416.885.363	6.392.544.437

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng


Ngô Thị Văn Hạnh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNDKDN số 0304592171 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006 và điều chỉnh gần nhất lần thứ 32 cấp ngày 21 tháng 3 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 58 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 77 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 16.1*, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- ▶ Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- ▶ Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng đi thuê;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành nghiệm thu.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của các công ty liên kết hiện hữu

Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink")

Theo phê duyệt Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 188/2404/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 4 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần tương ứng với 16% tỷ lệ sở hữu trong Netlink với giá trị chuyển nhượng là 47.088.000.000 VND vào ngày 19 tháng 4 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Netlink tăng từ 35% lên 51% và Netlink và hai công ty con trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Ngoài ra, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 45.360 cổ phần tương ứng với 18% tỷ lệ sở hữu trong Netlink vào ngày 6 tháng 8 năm 2024 với giá chuyển nhượng là 52.974.000.000 VND. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Netlink tăng từ 51% lên 69%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM (tiếp theo)

4.1 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của các công ty liên kết hiện hữu (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital")

Theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital") từ các bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 127.088.550.000 VND vào ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 69,55% và Edigital và các Công ty con của Edigital là Công ty TNHH Việt Nam Music Award ("VMA"), Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số ("DCC"), Công ty TNHH Big Cat ("BigCat"), Công ty Cổ phần Tstudio ("Tstudio"), Công ty TNHH TíngTíng Network ("TíngTíng"), Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+ ("Mango+") trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

4.2 Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu

Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 100% vốn góp của STVPro cho STV, công ty con của Công ty, với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51% kể từ ngày này.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51% tỷ lệ sở hữu trong STV cho đối tác với giá chuyển nhượng là 40.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này và STVPro cũng không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ ("YES")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 730.000 cổ phần, tương ứng với 67% cổ phần của YES cho đối tác với giá chuyển nhượng là 10.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong YES giảm từ 67% xuống 0% và YES không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần YAG Entertainment ("YAG")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 1.564.000 cổ phần, tương ứng với 85% cổ phần của YAG cho đối tác với giá chuyển nhượng là 85.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong YAG giảm từ 85% xuống 0% và YAG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam ("AppNews")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 1.330.000 cổ phần, tương ứng với 70% cổ phần của AppNews cho đối tác với giá chuyển nhượng là 3.050.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AppNews giảm từ 70% xuống 0% và AppNews không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần Giải trí Ana ("Ana")

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.970.000 cổ phần, tương ứng với 99% cổ phần của Ana cho đối tác với giá chuyển nhượng là 99.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 1451-2412-HDCNCPANA-YEG-TERAVEN cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 12 tháng 7 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Ana giảm từ 99% xuống 0% và Ana không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM (tiếp theo)

4.2 Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Care ("Care")

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 39.990.000 cổ phần, tương ứng với 99,975% cổ phần của Care cho đối tác với giá chuyển nhượng là 99.980.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 12 tháng 7 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Care giảm từ 99% xuống 0% và AppNews không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

4.3 Góp vốn thành lập công ty con và công ty liên kết

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2024, Công ty đã góp vốn thành lập 1Label theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 81/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2024 và đã nhận được GCNĐKDN số 0318347998 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Label là 51%.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2024, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam ("Meta Blossom") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 776/2406/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 26 tháng 6 năm 2024 và đã nhận được GCNĐKDN Số 0318547718 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 7 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Meta Blossom là 40%.

5. TIỀN VÀ KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	38.337.088.258	2.192.544.437
Các khoản tương đương tiền (*)	79.797.105	4.200.000.000
TỔNG CỘNG	38.416.885.363	6.392.544.437

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất 0,2%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 7,95%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Các bên khác	84.993.047.305	25.788.366.350
<i>Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Toàn Cầu</i>	23.835.800.000	95.712.000
<i>Công ty Cổ phần Truyền Thông On+</i>	10.982.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần King Production</i>	9.549.100.000	-
<i>STV (*)</i>	6.770.205.688	-
<i>Khác</i>	33.855.941.617	25.692.654.350
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	20.254.344.200	86.538.444.797
TỔNG CỘNG	105.247.391.505	112.326.811.147
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (<i>Thuyết minh số 11</i>)	(1.798.983.363)	(1.158.799.294)
GIÁ TRỊ THUẦN	103.448.408.142	111.168.011.853
Phải thu dài hạn của khách hàng		
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần STV (<i>Thuyết minh số 4.2</i>) (**)	24.000.000.000	-

(*) Khoản phải thu này, khoản phải thu về cho vay và phải thu khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 9 và 10* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

(**) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của STV (*Thuyết minh số 4.2*), đến hạn thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2026. Khoản phải thu này, khoản phải thu về cho vay được trình bày ở *Thuyết minh số 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 21/2025/TTBL/YEG ngày 26 tháng 3 năm 2025.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	217.663.828.234	2.549.093.165
<i>Công ty Cổ phần Tera Group</i>	209.318.476.520	-
<i>Công ty Cổ phần King Production</i>	7.644.456.896	2.396.400.000
<i>Khác</i>	700.894.818	152.693.165
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	4.936.193.569	-
TỔNG CỘNG	222.600.021.803	2.549.093.165
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (<i>Thuyết minh số 11</i>)	(329.450)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	222.599.692.353	2.549.093.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn	189.028.460.018	270.238.767.925
Cho các bên khác vay	166.873.460.018	177.256.431.925
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 31)	22.155.000.000	92.982.336.000
Dài hạn	9.615.000.000	21.412.263.754
Cho bên khác vay	9.090.000.000	7.171.575.396
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 31)	525.000.000	14.240.688.358
TỔNG CỘNG	198.643.460.018	291.651.031.679
Dự phòng phải thu về cho vay (Thuyết minh số 11)	(300.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	198.343.460.018	291.651.031.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	114.106.821.919	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
STV	41.968.500.000	(*)	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	3.252.000.000	(*)	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending (*)	5.683.138.099	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	633.000.000	Ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	
Care (**)	930.000.000	Từ ngày 31 tháng 8 năm 2024 đến ngày 31 tháng 10 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win (*)	300.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	166.873.460.018			
Dự phòng phải thu cho vay (Thuyết minh số 11)	(300.000.000)			
GIÁ TRỊ THUẬN	166.573.460.018			

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán.

(**) Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã thu hồi khoản cho vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau (tiếp theo):

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 31)				
Công ty TNHH Yeah1 Up	10.121.000.000	Từ ngày 31 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Yeah1 Up (*)	4.829.000.000	Từ ngày 31 tháng 8 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	8 - 10,5	Tín chấp
Netlink	5.205.000.000	Từ ngày 31 tháng 8 năm 2025 đến 31 tháng 12 năm 2025	10,5	Tín chấp
DCC	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	22.155.000.000			
Cho các bên liên quan vay dài hạn (Thuyết minh số 31)				
Công ty TNHH 1Production ("1Production")	525.000.000	Từ ngày 31 tháng 5 năm 2026 đến ngày 31 tháng 10 năm 2026	10,5	Tín chấp
Cho các bên khác vay dài hạn				
Công tin Cổ phần Truyền thông Power	9.090.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2026	10,5	Tín chấp

(*) Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã thu hồi khoản cho vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	141.057.384.838	159.015.726.054
Phải thu từ thu hộ (i)		
1Production	38.548.886.622	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam ("Y1N")	20.991.338.967	-
STVPro	11.993.508.096	7.773.261.957
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh		
STV (ii)	26.163.157.895	26.163.157.895
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (iii)	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Unicorn Venture	-	9.993.750.000
Lỗ phân chia cho đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	4.380.844.035
Phải thu cổ tức (iv)	14.000.000.000	2.625.551
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	6.118.412.043	21.952.487.777
Tạm ứng nhân viên	2.100.207.967	66.600.322.319
Đặt cọc	1.228.922.450	1.512.711.125
Khác	312.950.798	1.036.565.395
Dài hạn	303.115.634.800	206.380.933.100
Đặt cọc nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất (v)	196.000.000.000	-
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (vi)	99.875.000.000	199.875.000.000
Khác	7.240.634.800	6.505.933.100
TỔNG CỘNG	444.173.019.638	365.396.659.154
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 11)	(21.305.876.960)	(20.959.033.707)
GIÁ TRỊ THUẦN	422.867.142.678	344.437.625.447
Trong đó:		
Các bên khác	369.921.681.636	319.509.257.147
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	74.251.338.002	45.887.402.007

(i) Theo hợp đồng ủy quyền số 51-2403-HDUQ-1PRO-YEG ngày 1 tháng 2 năm 2024 và 195/2406/HĐUQ/1PRO-YEG ngày 19 tháng 2 năm 2024 giữa Công ty và 1Production, Công ty ủy quyền cho 1Production sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại. Đây là khoản phải thu 1Production từ thu chi hộ theo các Biên bản đối soát Công nợ.

Theo các hợp đồng ủy quyền giữa Công ty và Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam ("Y1N"), Công ty ủy quyền cho Y1N thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại. Đây là khoản phải thu Y1N từ thu chi hộ theo các Biên bản đối soát Công nợ.

Theo Hợp đồng Ủy quyền số 539-2309-HĐNT-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 7 năm 2023 và Hợp đồng số 66-2402-HĐTH-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty và STVPro, Công ty ủy quyền cho STVPro sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại cho các Dự án ở Thuyết minh số (iv). Đây là khoản phải thu STVPro từ thu chi hộ cho các Dự án theo các Biên bản Bù trừ Công nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (ii) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cab Việt Nam ("VTVcab") và STV, VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với số tiền là 26.163.157.895 VND với số dư công nợ của STV. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV. Khoản phải thu này và khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu về cho vay khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 7 và 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.
- (iii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 VND, trong đó, Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 VND và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 VND.
- Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.
- (iv) Đây là khoản phải thu cổ tức từ Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 ("Giga1") theo Quyết định chia cổ tức Số 14/2024/GIGA1/ĐHHĐCĐ/NQ ngày 18 tháng 12 năm 2024. Khoản cổ tức này đã được thu vào ngày 27 tháng 3 năm 2025.
- (v) Đây là khoản đặt cọc trong vòng 5 năm để đảm bảo thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích văn phòng theo Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất Số CI426639 tại địa chỉ số 140, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Ka Dao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Hợp đồng Số 1456/2024/HĐĐC/YEG-SG3 ngày 29 tháng 12 năm 2024.
- (vi) Đây là khoản đặt cọc mua Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẽ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẽ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân. Theo phụ lục hợp đồng số 01 Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 6 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty và Unicorn Venture đã thống nhất điều chỉnh giảm số tiền đầu tư dự án xuống còn 99.875.000.000 VND.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	
Công ty TNHH Đầu tư Tân An	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	
Đông Sài Gòn							
Công ty Cổ phần Truyền thông	3.522.790.853	1.988.430.308	(1.534.360.545)	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)	
Ontrending	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	
Công ty Cổ phần Phát triển Up							
Công ty Cổ phần Công nghệ	523.907.131	119.783.496	(404.123.635)	523.907.131	261.953.565	(261.953.566)	
Truyền thông Số 1							
Công ty Truyền thông và Công	300.000.000	-	(300.000.000)	300.000.000	300.000.000	-	
nghệ Win	209.824.729	-	(209.824.729)	209.824.729	-	(209.824.729)	
Công ty TNHH Yeah1 Vision	3.629.832.379	3.272.951.515	(356.880.864)	1.315.335.920	1.016.302.214	(299.033.706)	
Khác							
TỔNG CỘNG	28.786.355.092	5.381.165.319	(23.405.189.773)	25.439.137.780	3.321.304.779	(22.117.833.001)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	848.300.441	3.238.743.464
Phí dịch vụ trả trước	496.946.417	2.608.454.005
Công cụ, dụng cụ	348.806.607	23.183.793
Khác	2.547.417	607.105.666
Dài hạn	21.047.511.423	1.023.210.757
Chi phí cải tạo văn phòng	17.712.654.760	411.547.424
Công cụ, dụng cụ	1.625.361.958	294.937.452
Phí dịch vụ trả trước	23.873.753	203.358.285
Khác	1.685.620.952	113.367.596
TỔNG CỘNG	21.895.811.864	4.261.954.221

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND
	Thiết bị văn phòng
Nguyên giá	
Số đầu năm	695.101.954
Mua mới	208.390.908
Số cuối năm	903.492.862
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	263.246.000
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	(513.282.756)
Khấu hao trong năm	(114.015.327)
Số cuối năm	(627.298.083)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	181.819.198
Số cuối năm	276.194.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

				VND	
				Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	82.828.580.077	2.524.382.154	160.000.000		85.512.962.231
Mua mới	85.693.079.503	-	-		85.693.079.503
Số cuối năm	168.521.659.580	2.524.382.154	160.000.000		171.206.041.734
Trong đó:					
Đã hao mòn hết				-	68.888.888
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(6.356.744.916)	(769.332.656)	(13.333.335)		(7.139.410.907)
Hao mòn trong năm	(25.498.948.559)	(58.132.372)	(32.000.004)		(25.589.080.935)
Số cuối năm	(31.855.693.475)	(827.465.028)	(45.333.339)		(32.728.491.842)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	76.471.835.161	1.755.049.498	146.666.665		78.373.551.324
Số cuối năm	136.665.966.105	1.696.917.126	114.666.661		138.477.549.892

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	5.523.422.222	-
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	10.523.422.222	5.000.000.000

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 16.1)	1.294.283.212.233	1.342.337.412.233
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 16.2)	2.000.000.000	231.761.250.000
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 16.3)	17.715.625.000	17.715.625.000
TỔNG CỘNG	1.313.998.837.233	1.591.814.287.233
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(54.765.484.657)	(511.174.664.518)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.259.233.352.576	1.080.639.622.715

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 11 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %
1	Giga1	Công nghệ, bán buôn	588.167.412.233	-	99,99	588.167.412.233	-	99,99
2	Edigital (Thuyết minh số 4.1)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	255.844.800.000	-	69,55	-	-	-
3	Netlink (Thuyết minh số 4.1)	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	203.319.000.000	-	69,00	-	-	-
4	1Production	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	139.000.000.000	-	100,00	139.000.000.000	-	100,00
5	Y1N	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	79.910.000.000	(28.954.919.935)	99,89	79.910.000.000	(32.352.924.293)	99,89
6	Công ty TNHH Yeah1 Up ("Y1U")	Quảng cáo, sản xuất chương trình	23.000.000.000	(15.286.052.381)	92,00	23.000.000.000	(8.620.503.672)	92,00

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 11 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp) (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %
7	1Talents	Dịch vụ quảng cáo	2.000.000.000	(179.891.566)	100,00	120.000.000	-	100,00
8	Công ty TNHH 1Bandlink (trước đây là Công ty TNHH Adlink Network)	Dịch vụ quảng cáo	2.000.000.000	-	100,00	40.000.000	-	100,00
9	1Label (Thuyết minh số 4.3)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	1.020.000.000	-	51,00	-	-	-
10	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 (*)	Dịch vụ quảng cáo	12.000.000	-	50,98	12.000.000	-	50,98
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (*)	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	10.000.000	-	51,00	10.000.000	-	51,00
12	Care (Thuyết minh số 4.2)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	399.900.000.000	(399.900.000.000)	99,98
13	STV Thuyết minh số 4.2)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	40.000.000.000	-	51,00

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 11 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp) (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %
14	Ana (trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1) (Thuyết minh số 4.2)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00
15	YAG (Thuyết minh số 4.2)	Dịch vụ quảng cáo	-	-	-	15.640.000.000	(15.640.000.000)	99,70
16	AppNews (Thuyết minh số 4.2)	Dịch vụ quảng cáo	-	-	-	10.538.000.000	(7.493.872.062)	70,00
17	STVPro (Thuyết minh số 4.2)	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	-	10.000.000.000	-	100,00
18	YES (Thuyết minh số 4.2)	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	-	6.300.000.000	(6.300.000.000)	67,00
TỔNG CỘNG			1.294.283.212.233	(44.420.863.882)		1.342.337.412.233	(500.007.300.027)	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn bổ sung vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 32.2)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 12 công ty con gián tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3 công ty con gián tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết
			%	%	%	%
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00
3	Y1P	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	-	-
4	Netlink Communication Technology Ltd	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận	35,18	50,99	-	-
5	DCC	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	-	-
6	VMA	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	-	-
7	TingTing	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	-	-
8	BigCat	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	-	-
9	Tstudio	Quảng cáo, hoạt động hậu kì	41,69	59,95	-	-
10	Mango+	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	69,55	100,00	-	-
11	Web Publishing Corp.	Quảng cáo	17,63	51,00	-	-
12	Netlink Online Pte. Ltd	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	100,00	-	-
13	Công ty TNHH MTV Style TV	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2 công ty liên kết trực tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
1	Meta Blossom (Thuyết minh số 4.3)	Quảng cáo	2.000.000.000	-	40,00	-	-	-
2	Edigital (Thuyết minh số 4.1)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	128.756.250.000	-	39,50
3	Netlink (Thuyết minh số 4.1)	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	-	-	-	103.005.000.000	-	35,00
TỔNG CỘNG			2.000.000.000	-		231.761.250.000	-	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.3 Đầu tư vào các công ty khác

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty khác như sau:

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm		Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)		
1	Công ty Cổ phần 1Game (trước đây là Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming)	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(728.995.775)	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	18,00
2	Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	4,40
3	Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	15,00
4	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	10,00
TỔNG CỘNG			17.715.625.000	(10.344.620.775)	17.715.625.000	(11.167.364.491)		

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	114.255.270.516	63.532.426.544
Các bên khác	21.835.170.160	4.263.249.709
STVPro	18.023.400.002	-
Khác	3.811.770.158	4.263.249.709
TỔNG CỘNG	136.090.440.676	67.795.676.253

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước từ các bên khác	5.021.658.180	-
Trả trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.410.210.093	24.616.965.143
TỔNG CỘNG	7.431.868.273	24.616.965.143

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trọng năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.377.636.288	-	4.377.636.288
Thuế giá trị gia tăng	1.011.003.711	35.883.247.936	(35.465.304.895)	1.428.946.752
Thuế thu nhập cá nhân	292.770.733	5.313.799.887	(4.541.650.803)	1.064.919.817
Khác	234.097.989	2.812.807.052	(2.468.920.289)	577.984.752
TỔNG CỘNG	1.537.872.433	48.387.491.163	(42.475.875.987)	7.449.487.609

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ tư vấn và bản quyền	6.750.000.000	-
Chi phí sản xuất chương trình	6.587.535.544	1.775.940.019
Lương tháng 13	2.356.713.500	2.018.064.776
Chi phí kiểm toán	462.000.000	-
Khác	3.285.205	1.493.263.091
TỔNG CỘNG	16.159.534.249	5.287.267.886
Trong đó:		
Các bên khác	16.156.249.044	3.272.736.086
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	3.285.205	2.014.531.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả do chuyển nhượng vốn góp (i)	89.800.020.000	
Phải trả các khoản nhờ chi hộ cho việc sản xuất các Dự án chương trình (ii)	43.796.097.986	-
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (iii)	31.500.000.000	31.500.000.000
Lãi vay	11.156.245.804	4.677.816.755
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	854.042.816	928.353.799
Khác	4.703.998.796	4.641.489.750
TỔNG CỘNG	181.810.405.402	41.747.660.304
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	137.072.172.756	38.779.473.587
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	44.738.232.646	2.968.186.717
(i) Đây là khoản tiền Công ty nhận trước từ việc chuyển nhượng góp vốn Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 (Thuyết minh số 33).		
(ii) Đây là khoản phải trả cho 1Production liên quan đến nhờ chi hộ các khoản phải trả nhà cung cấp phục vụ cho việc sản xuất các Dự án sản xuất chương trình theo các hợp đồng ủy quyền (Thuyết minh số 10).		
(iii) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đập gió rẽ sóng mùa 1" (Thuyết minh số 10)		



Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	23.010.824.000	483.742.367.793	(167.697.945.554)	13.673.475.998	352.728.722.237
Vay cá nhân (Thuyết minh số 22.4)	2.000.000.000	249.467.150.000	(13.798.000.000)	-	237.669.150.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	-	139.100.217.793	(60.464.121.554)	-	78.636.096.239
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 22.2 và Thuyết minh số 31)	8.550.000.000	82.345.000.000	(68.185.000.000)	-	22.710.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.1)	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	13.673.475.998	13.673.475.998
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 22.3)	2.460.824.000	12.830.000.000	(15.250.824.000)	-	40.000.000
Vay dài hạn	94.365.919.317	12.548.305.886	(62.976.959.598)	(13.673.475.998)	30.263.789.607
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	37.500.000.000	12.048.305.886	(5.611.040.281)	(13.673.475.998)	30.263.789.607
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 22.2 và Thuyết minh số 31)	56.865.919.317	500.000.000	(2.762.077.057)	(54.603.842.260)	-
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 22.3)	-	-	(54.603.842.260)	54.603.842.260	-
TỔNG CỘNG	117.376.743.317	496.290.673.679	(230.674.905.152)	-	382.992.511.844

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngân hàng

Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	78.636.096.239	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến 31 tháng 12 năm 2025	7,2 – 8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của một bên liên quan
Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:				
Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định

Khoản vay 1	35.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2025 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	- 11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất của ngân hàng	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	8.937.265.605	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 đến ngày 23 tháng 12 năm 2027	8	
	43.937.265.605			

Trong đó:	
Vay dài hạn	30.263.789.607
Vay dài hạn đến hạn trả	13.673.475.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 31)

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Y1N	18.285.000.000	Ngày 3 tháng 12 năm 2025 đến ngày 18 tháng 12 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Vietnam Music Award	2.040.000.000	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 19 tháng 4 năm 2025	10,5
Nguyễn Thị Thu Hương	1.350.000.000	Ngày 9 tháng 8 năm 2025	12,0
Giga1	735.000.000	Ngày 20 tháng 12 năm 2025	10,5
Tingting	300.000.000	Từ ngày 12 tháng 3 năm 2025 đến ngày 27 tháng 5 năm 2025	10,5
TỔNG CỘNG	22.710.000.000		

22.3 Vay ngắn hạn các tổ chức khác

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Ban Media	40.000.000	Ngày 18 tháng 12 năm 2025	10,5

22.4 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Vũ Thị Tuyết Vân	117.147.080.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 9 tháng 8 năm 2025	8
Võ Xuân Huy	55.590.000.000	Ngày 8 tháng 8 năm 2025	8
Nguyễn Hải Tường Vi	54.743.070.000	Ngày 8 tháng 8 năm 2025	8
Nguyễn Thị Khánh Hòa	10.189.000.000	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025	10,5 – 11
TỔNG CỘNG	237.669.150.000		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
				Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	52.125.585.165	52.125.585.165
Số cuối năm	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Năm nay				
Số đầu năm	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Phát hành cổ phiếu cho người lao động (*)	56.481.900.000	-	(56.481.900.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	23.219.129.948	23.219.129.948
Số cuối năm	1.370.014.540.000	140.518.254	336.529.421.707	1.706.684.479.961

(*) Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024 theo công văn số 4227/UBCK-QLCB, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.313.532.640.000	312.799.680.000
Tăng trong năm	56.481.900.000	1.000.732.960.000
Số cuối năm	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã đăng ký	137.001.454	131.353.264
Cổ phiếu đã phát hành	137.001.454	131.353.264
Cổ phiếu phổ thông	137.001.454	131.353.264
Cổ phiếu đang lưu hành	137.001.454	131.353.264
Cổ phiếu phổ thông	137.001.454	131.353.264

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	247.921.868.873	27.891.974.163
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	132.695.320.649	105.956.090.172
Doanh thu về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	73.658.646.464	44.499.603.161
DOANH THU THUẦN	454.275.835.986	178.347.667.496
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	374.934.462.116	50.804.069.001
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	79.341.373.870	127.543.598.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.810.027.795	23.139.069.269
Thu nhập cổ tức	14.000.000.000	12.129.854.440
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 4.2)	299.852.062	-
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	-	19.987.500.000
Khác	1.722.620	194.969
TỔNG CỘNG	39.111.602.477	55.256.618.678
Trong đó:		
Các bên khác	22.928.724.165	38.049.927.449
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	16.182.878.312	17.206.691.229

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn về quảng cáo và tư vấn truyền thông	297.101.067.467	32.879.653.198
Giá vốn cung cấp bản quyền nội dung số	48.240.978.224	5.669.486.911
Giá vốn về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	47.512.951.313	41.758.771.163
TỔNG CỘNG	392.854.997.004	80.307.911.272

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.527.924.238	18.034.756.396
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.624.692.201	60.784.558.611
Khác	315.102.293	139.493
TỔNG CỘNG	25.467.718.732	78.819.454.500
Trong đó:		
Các bên khác	23.381.499.182	78.298.201.151
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.086.219.550	521.253.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.863.139.090	16.917.828.781
Chi phí nhân viên	10.865.805.010	2.899.397.205
Chi phí khấu hao và hao mòn	209.843.451	178.894.311
Chi phí khác	8.692.265.194	2.290.692.739
TỔNG CỘNG	47.631.052.745	22.286.813.036

28. CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt thuế	1.481.274.038	-
Khác	59.294.749	64.524.669
TỔNG CỘNG	1.540.568.787	64.524.669

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.521.176.506	57.018.318.284
Chi phí nhân viên	43.569.511.787	34.926.308.857
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	25.703.096.262	6.541.571.427
Khác	8.692.265.194	4.108.525.740
TỔNG CỘNG	440.486.049.749	102.594.724.308

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.377.636.288	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.699.871.354)	-
TỔNG CỘNG	2.677.764.934	-

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.896.894.882	52.125.585.165
Thuế TNDN theo thuế suất	5.179.378.976	10.425.117.033
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập cổ tức	(2.800.000.000)	(2.425.970.888)
Chi phí không được trừ	2.110.576.554	744.859.056
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(1.812.190.596)	(8.744.005.201)
Chi phí thuế TNDN	2.677.764.934	-

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận tính thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận tính thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lợi nhuận tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế là 0 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 9.060.952.978 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

				VND
Năm	Có thể		Đã chuyển lỗ đến	Chưa chuyển lỗ
phát sinh	chuyển lỗ	Lỗ thuế	ngày 31 tháng 12	tại ngày 31 tháng 12
	đến năm		năm 2024	năm 2024
2021 (*)	2026	9.060.952.978	(9.060.952.978)	-

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.4 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

		VND	
	Bảng cân đối kế toán riêng	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay Năm trước
Các khoản dự phòng	1.699.871.354	-	1.699.871.354 -

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu trong năm với Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
1Production	Công ty con
Giga1	Công ty con
Y1N	Công ty con
1Talents	Công ty con
1Label	Công ty con
1Brandlink	Công ty con
Y1U	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con
DCC	Công ty con
Netlink	Công ty con
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Edigital	Công ty con
	(từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Ana	Công ty con
	(đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)
Care	Công ty con
	(đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)
STV	Công ty con
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
STVPro	Công ty con
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
YES	Công ty con
	(đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
YAG	Công ty con
	(đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
AppNews	Công ty con
	(đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Y1P	Công ty con gián tiếp
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Netlink Communication Technology Ltd	Công ty con gián tiếp
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
BigCat	Công ty con gián tiếp
	(từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Tstudio	Công ty con gián tiếp
	(từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
VMA	Công ty con gián tiếp
	(từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách bên liên quan với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan

Mối quan hệ

DCC

Công ty con gián tiếp
(từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)

Tingting (trước đây là
"Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng")
Công ty TNHH Style TV

Công ty con gián tiếp
(từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)

Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1
("Media1")

Công ty con gián tiếp
(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty liên kết của công ty con

Công ty Cổ phần 1Game ("1Game")

Đầu tư khác

Công ty TNHH Tera Group

Đầu tư khác
(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)

Meta Blossom

Công ty liên kết
(từ ngày 26 tháng 6 năm 2024)

Công ty Cổ phần Truyền thông Power

Thành viên chủ chốt có liên quan
đến công ty con

Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh
("Bò Công Anh")

(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là
bên liên quan của nhân sự quản lý
chủ chốt của Công ty

Công ty Cổ phần Finbase

Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là
bên liên quan của nhân sự quản lý
chủ chốt của Công ty

Bà Lê Phương Thảo

Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")

Ông Đào Phúc Trí

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Hoàng Giang

(miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)

Bà Ngô Thị Vân Hạnh

Phó chủ tịch HĐQT

Ông Kim Min Soo

Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
(bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)

Ông Đinh Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc và

Ông Chế Đoàn Viên

Thành viên HĐQT

Ông Yam Kong Fatt

Thành viên HĐQT

Ông Phạm Minh Tiến

Phó Tổng Giám đốc
(từ nhiệm 20 tháng 3 năm 2025)

Ông Nguyễn Văn Nam

Phó Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Bích Hằng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Vương Hồ Trí Dũng

(bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")

Ông Trần Thanh Tân

Thành viên BKS

Ông Trần Hoài Nam

Thành viên BKS

Cá nhân liên quan đến nhân sự chủ chốt

Phó Tổng giám đốc

(miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)

Thành viên HĐQT

(miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
1Production	Chi phí sản xuất chương trình	191.157.111.112	-
	Nhờ thu hộ	59.711.814.501	-
	Chi hộ	46.011.565.844	-
	Cung cấp dịch vụ	2.573.094.533	-
	Cho vay	1.565.000.000	1.735.000.000
	Vay	470.000.000	-
	Lãi cho vay	52.812.124	59.709.040
	Lãi vay	2.163.288	-
	Góp vốn	-	139.000.000.000
Y1N	Nhờ thu hộ	70.939.715.200	13.350.000.000
	Vay	30.070.000.000	5.500.000.000
	Cung cấp dịch vụ	6.884.000.000	6.653.109.256
	Lãi vay	747.623.006	-
	Cho vay	-	3.200.000.000
	Lãi cho vay	-	107.108.492
Edigital	Vay	33.470.000.000	15.150.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	32.750.342.304	15.848.211.060
	Mua bản quyền	15.525.147.885	48.556.395.000
	Lãi vay	920.365.851	31.543.150
	Cho vay	-	13.650.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	10.492.769.249
	Mua dịch vụ	-	2.547.179.768
	Lãi cho vay	-	290.708.984
STV	Cho vay	19.152.000.000	81.213.000.000
	Chuyển nhượng vốn góp	10.000.000.000	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.310.326.514	21.007.795.238
	Mua chương trình	2.210.809.524	18.471.428.571
	Lãi cho vay	587.422.850	1.731.857.100
	Cần trừ công nợ	-	26.163.157.895
	Nhận chuyển nhượng vốn góp	-	10.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	8.128.116.037
STVPro	Nhờ thu hộ	19.095.576.006	37.445.092.308
	Mua dịch vụ sản xuất chương trình	15.506.172.840	19.382.716.050
	Chi hộ	9.749.735.376	39.324.783.317
	Vay	-	4.200.000.000
	Lãi vay	-	3.078.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

		VND	
Bên liên quan	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	17.560.000.000	23.890.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.216.523.810	52.750.906.667
	Lãi cho vay	426.722.878	689.243.013
Bồ Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	16.576.078.254	-
Giga1	Cổ tức được chia	14.000.000.000	12.129.854.440
	Vay	735.000.000	-
	Cho vay	560.000.000	4.640.000.000
	Lãi cho vay	127.268.629	205.538.210
	Lãi vay	2.537.260	227.391.781
	Nhận cổ tức	-	18.852.040.000
	Cần trừ gốc vay và phải thu cổ tức	-	10.275.000.000
BigCat	Cung cấp bản quyền nội dung số	13.450.178.021	775.246.004
	Mua bản quyền	13.380.766.558	11.665.638.876
	Cho vay	270.000.000	2.800.000.000
	Lãi cho vay	2.873.835	1.610.959
	Cung cấp dịch vụ	-	755.674.247
Y1U	Cho vay	10.121.000.000	14.500.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.963.000.000	3.219.246.414
	Lãi cho vay	860.758.957	391.422.270
	Mua hàng	81.686.816	23.100.000
	Góp vốn	-	23.000.000.000
Netlink	Cho vay	7.205.000.000	2.328.800.000
	Lãi cho vay	93.231.369	46.603.398
	Mua dịch vụ	80.000.000	-
	Lãi vay	62.899.792	84.628.767
	Vay	-	9.200.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	6.668.231.073
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.327.908.126	10.300.000.000
	Góp vốn	-	35.000.000.000
	Tạm ứng	-	10.679.535.966
1Talents	Vay	5.100.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	2.428.000.000	-
	Góp vốn	1.880.000.000	-
	Mua dịch vụ	780.000.000	-
	Lãi vay	27.098.628	-
Tstudio	Cung cấp dịch vụ	4.487.941.822	1.135.202.342
VMA	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.500.000.000	-
	Vay	2.100.000.000	-
	Lãi vay	150.992.874	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
1Label	Vay	3.200.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	1.414.007.366	-
	Góp vốn	1.020.000.000	-
	Mua dịch vụ	920.202.494	-
	Lãi vay	2.502.740	-
DCC	Vay	2.600.000.000	342.808.874
	Cho vay	2.000.000.000	1.250.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.230.959.500	-
	Mua dịch vụ	441.672.859	-
	Lãi vay	13.194.669	13.705.730
	Lãi cho vay	11.506.849	1.192.452.719
1Game	Cho vay	2.015.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	170.000.000	-
Meta Blossom	Cung cấp dịch vụ	3.440.000.000	-
	Góp vốn	2.000.000.000	-
	Vay	1.800.000.000	-
	Lãi vay	1.553.425	-
1Brandlink	Góp vốn	1.960.000.000	-
	Vay	1.000.000.000	-
	Lãi vay	863.014	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.900.000.000	-
	Lãi vay	102.493.148	-
Y1P	Cho vay	1.500.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	523.000.000	-
	Lãi cho vay	20.280.821	-
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	712.173.710	358.612.451
	Thu hồi tạm ứng	368.200.743	-
	Góp vốn	-	42.000.000.000
TingTing	Vay	400.000.000	600.000.000
	Lãi vay	51.931.855	7.364.383
	Cho vay	-	110.000.000
	Lãi cho vay	-	1.338.768
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	373.356.551	37.000.000
	Thu hồi tạm ứng	240.000.000	-
	Góp vốn	-	37.000.000.000
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	486.595.768	155.470.022
	Thu hồi tạm ứng	390.443.433	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	-	9.090.000.000
	Lãi cho vay	-	359.243.836
AppNews	Lãi vay	-	153.541.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Edigital	Cung cấp dịch vụ và bản quyền	7.577.156.627	-
VMA	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.675.000.000	-
1Production	Cung cấp dịch vụ	2.224.200.000	-
YES	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	1.647.731.367	312.731.367
DCC	Cung cấp bản quyền nội dung số	1.354.055.450	-
Y1N	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	1.029.286.575	408.922.194
BigCat	Cung cấp dịch vụ	820.798.565	-
Media1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	523.907.130	523.907.131
1Talent	Cung cấp dịch vụ	470.800.000	-
Meta Blossom	Cung cấp bản quyền nội dung số	379.600.000	-
1Label	Cung cấp dịch vụ	306.508.486	-
Y1P	Cung cấp dịch vụ	245.300.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	52.456.952.000
STV	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	22.360.890.688
YAG	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	6.467.782.550
Y1U	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	2.375.535.228
Netlink	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	1.154.383.491
Tstudio	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	387.340.148
Ana	Cung cấp dịch vụ	-	90.000.000
TỔNG CỘNG		20.254.344.200	86.538.444.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Y1U	Cho vay	14.950.000.000	2.880.000.000
Netlink	Cho vay	5.205.000.000	-
DCC	Cho vay	2.000.000.000	-
STV	Cho vay	-	36.118.500.000
Công ty TNHH Tera Group	Cho vay	-	23.730.000.000
YAG	Cho vay	-	20.663.836.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	-	9.090.000.000
Giga1	Cho vay	-	500.000.000
TỔNG CỘNG		22.155.000.000	92.982.336.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác			
1Production	Nhờ thu hộ	38.548.886.622	-
	Lãi cho vay	98.885.959	59.709.040
Y1N	Nhờ thu hộ	20.991.338.967	-
	Lãi cho vay	-	37.964.381
Giga1	Phải thu cổ tức	14.000.000.000	2.625.551
	Lãi cho vay	-	205.538.210
Lê Phương Thảo	Tạm ứng	343.969.957	-
Y1U	Lãi cho vay	104.088.899	264.884.189
Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	96.152.335	-
Netlink	Lãi cho vay	37.682.054	-
YES	Lãi cho vay	12.088.331	658.136.912
DCC	Lãi cho vay	11.506.849	-
Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	6.522.276	6.522.276
Edigital	Lãi cho vay	215.753	215.753
STV	Phải thu do	-	26.163.157.895
	cán trừ công nợ	-	-
	Lãi cho vay	-	946.587.368
STVPro	Nhờ thu hộ	-	7.773.261.957
Đào Phúc Trí	Tạm ứng	-	5.327.908.126
YAG	Lãi cho vay	-	3.323.051.162
Công ty TNHH Tera Group	Lãi cho vay	-	689.243.013
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	-	359.243.836
Care	Lãi cho vay	-	34.330.560
1Game	Lãi cho vay	-	33.410.819
BigCat	Lãi cho vay	-	1.610.959
TỔNG CỘNG		74.251.338.002	45.887.402.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>			
1Production	Cho vay	525.000.000	1.735.000.000
Giga1	Cho vay	-	3.680.000.000
YES	Cho vay	-	3.309.688.358
Y1U	Cho vay	-	3.136.000.000
1Game	Cho vay	-	1.450.000.000
Care	Cho vay	-	930.000.000
TỔNG CỘNG		525.000.000	14.240.688.358
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
1Production	Sản xuất chương trình	94.912.380.000	-
Edigital	Mua bản quyền	14.441.405.279	-
Bồ Công Anh	Mua dịch vụ	3.463.232.581	-
1Talents	Mua dịch vụ	692.400.000	-
DCC	Mua dịch vụ	441.672.859	-
1Label	Muc dịch vụ	217.779.797	-
Netlink	Muc dịch vụ	86.400.000	-
STVPro	Sản xuất chương trình	-	41.866.666.668
STV	Mua bản quyền	-	19.395.000.000
BigCat	Mua bản quyền	-	2.270.759.876
TỔNG CỘNG		114.255.270.516	63.532.426.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Meta Blossom	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.410.210.093	-
Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	21.310.867.823
BigCat	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	3.306.097.320
TỔNG CỘNG		2.410.210.093	24.616.965.143
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Giga1	Lãi vay	2.537.260	238.591.781
	Mua hàng	-	1.775.940.019
DCC	Lãi vay	747.945	-
TỔNG CỘNG		3.285.205	2.014.531.800
Phải trả ngắn hạn khác			
1Production	Chi hộ	43.404.273.986	-
	Lãi vay	2.163.288	-
Y1N	Lãi vay	752.283.280	4.660.274
1Label	Nhận ký quỹ	300.000.000	-
	Lãi vay	2.502.740	-
VMA	Lãi vay	151.165.477	-
TingTing	Lãi vay	59.296.238	7.364.383
1Talents	Lãi vay	27.098.628	-
Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	14.087.671	-
Edigital	Lãi vay	8.515.358	9.315.164
Netlink	Lãi vay	7.899.792	63.661.644
DCC	Lãi vay	6.529.749	13.705.730
Meta Blossom	Lãi vay	1.553.425	-
1Brandlink	Lãi vay	863.014	-
Ana	Lãi vay	-	2.627.159.124
AppNews	Lãi vay	-	192.242.316
Giga1	Lãi vay	-	47.000.000
STVPro	Lãi vay	-	3.078.082
TỔNG CỘNG		44.738.232.646	2.968.186.717

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước nhà cung cấp			
Y1N	Mua dịch vụ	3.624.982.867	
BigCat	Mua dịch vụ	1.311.210.702	-
TỔNG CỘNG		4.936.193.569	-
Vay ngắn hạn			
Y1N	Vay	18.285.000.000	-
VMA	Vay	1.840.000.000	-
Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.350.000.000	-
Giga1	Vay	735.000.000	-
TingTing	Vay	300.000.000	300.000.000
Edigital	Vay	-	5.950.000.000
Netlink	Vay	-	2.300.000.000
TỔNG CỘNG		22.510.000.000	8.550.000.000
Vay dài hạn			
Ana	Vay	-	54.603.842.260
Appnews	Vay	-	1.919.268.183
DCC	Vay	-	342.808.874
TỔNG CỘNG		-	56.865.919.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

			VND	
Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.356.570.000	2.250.000.000	
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)	925.918.444	1.063.307.700	
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	-	2.549.007.000	
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)	-	502.449.000	
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2024)	-	123.981.550	
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023)	-	-	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-	
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023)	-	-	
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-	
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-	
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-	
TỔNG CỘNG		3.282.488.444	6.488.745.250	

Ngoại trừ danh sách được liệt kê ở trên, các thành viên còn lại trong HĐQT và BKS không phát sinh thu nhập và thù lao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

32.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	20.246.044.000	24.261.360.000
Trên 1 năm đến 5 năm	92.357.820.000	94.132.300.000
Trên 5 năm	55.414.692.000	67.729.068.000
TỔNG CỘNG	168.018.556.000	186.122.728.000

32.2 Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

	VND		
	Số đầu năm và số cuối năm		
	Vốn cam kết	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
TỔNG CỘNG	17.330.060.000	22.000.000	17.308.060.000

